

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG NHU CẦU HỌC TIẾNG ANH
SINH VIÊN DU LỊCH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI ĐỒNG NAIVũ Đức Cường^{1*}, Trần Thu Hương²¹Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai²Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Đường Nguyễn Khuyến, Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai

* Tác giả liên hệ: cuongvd@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận: 27/8/2025	Nghiên cứu tập trung vào việc phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành du lịch tại các trường đại học ở Đồng Nai. Một cuộc khảo sát đã được tiến hành với 220 sinh viên để xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến khả năng học tiếng Anh hiệu quả của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 05 yếu tố ảnh hưởng tới khả năng học tiếng Anh của sinh viên ngành du lịch bao gồm: (1) Thái độ và động cơ học tập của sinh viên; (2) Giảng viên giảng dạy; (3) Môi trường học tập; (4) Tài liệu học tập; (5) Nghề nghiệp tương lai. Trong đó, yếu tố môi trường học tập được xác định là ảnh hưởng mạnh nhất với hệ số Beta = 0,313. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu các yếu tố này để phát triển các giải pháp thực tế nhằm nâng cao kết quả học tập tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngành du lịch tại Đồng Nai. Bằng cách giải quyết các tác động này, các cơ sở giáo dục có thể chuẩn bị tốt hơn cho sinh viên để có sự nghiệp thành công trong ngành du lịch, nơi trình độ tiếng Anh ngày càng trở nên cần thiết.
Ngày hoàn thiện: 9/9/2025	
Ngày chấp nhận: 14/9/2025	
Ngày đăng: 15/9/2025	
TỪ KHÓA	
Du lịch;	
Đồng Nai;	
Nhu cầu học tập;	
Tiếng Anh;	
Sinh viên.	

FACTORS AFFECTING THE NEED FOR ENGLISH LEARNING OF
TOURISM STUDENTS AT UNIVERSITIES IN DONG NAIVu Duc Cuong^{1*}, Tran Thu Huong²¹Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe, Buu Long Ward, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam²Dong Nai Technology University, Nguyen Khuyen Street, Trang Dai Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Vietnam

*Corresponding Author: cuongvd@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: Aug 27 th , 2025	The study focuses on analyzing and evaluating the factors that influence the English language learning needs of tourism students at universities in Dong Nai. A survey was conducted among 220 students to identify key factors that affect their ability to learn English effectively. The research findings reveal five main factors: (1) students' learning attitudes and motivation, (2) lecturers' teaching quality, (3) the learning environment, (4) learning materials, and (5) future career prospects. Among these, the learning environment emerged as the most significant factor, with a Beta coefficient of 0.313. The study underscores the importance of understanding these factors to develop practical solutions aimed at enhancing English learning outcomes for tourism students in this region. By addressing these influences, educational institutions can better prepare students for successful careers in the tourism industry, where English proficiency is increasingly essential.
Revised: Sep 9 th , 2025	
Accepted: Sep 14 th , 2025	
Published: Sep 15 th , 2025	
KEYWORDS	
Dong Nai;	
English;	
Learning needs;	
Students;	
Travel.	

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. GIỚI THIỆU

Tiếng Anh đã trở ngôn ngữ chung được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới, “cùng với quá trình hội nhập kinh tế - chính trị, văn hóa với các quốc gia trên thế giới trong tất cả các lĩnh vực thì việc thông thạo tiếng Anh là một điều kiện cần thiết để giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho nguồn nhân lực” [1]. Với các sinh viên (SV) ngành du lịch, việc sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai sẽ giúp SV sau khi tốt nghiệp có được cơ hội việc làm và thăng tiến, đặc biệt là ở các vị trí quản lý, điều hành. Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của trong ngành du lịch còn giúp họ có thể phục vụ và tương tác tốt hơn với khách hàng quốc tế giúp mang lại nguồn nhập cao..

Ngày nay, tiếng Anh được học và giảng dạy trong nhiều lớp học với những bối cảnh khác nhau [2]. Nghiên cứu của một số tác giả đã chỉ ra rằng việc đào tạo tiếng Anh cho SV nước ta chưa đạt hiệu quả cao dẫn đến SV khi ra trường còn rất yếu về kỹ năng và ảnh hưởng rất nhiều đến con đường phát triển nghề nghiệp [3], [4]. Do đó, vẫn còn một vấn đề lớn trong việc giảng dạy ngoại ngữ cho SV ngành du lịch đó là tốn thời gian nhưng hiệu quả lại thấp. Mục đích của nghiên cứu này là đi sâu vào đánh giá và phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan khả năng học tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số hàm ý quản lý được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả việc học tiếng Anh cho SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai trong giai đoạn hiện nay.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Nhu cầu học tập là gì?

Theo Nguyễn Đình Như Hà và cộng sự (2019) [3] “nhu cầu học tập được coi một trong những nhu cầu tinh thần đặc trưng của con người”. Và được hiểu là những yêu cầu, mong muốn và khát vọng của mỗi cá nhân trong quá trình học tập và phát triển bản thân. Việc nhận thức và thực hiện các nhu cầu học tập sẽ giúp mỗi cá nhân phát triển toàn diện, đáp ứng được yêu cầu của bản thân, gia đình và xã hội. Vì vậy, theo Janet Grant (2001) [4] nhu cầu học tập phải là nền tảng cho bất kỳ hệ thống giáo dục. Trong mối liên hệ với nhu cầu học tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai, thì đây được coi là một nhu cầu vô cùng quan trọng để giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của SV sau khi tốt nghiệp. Việc đánh giá được nhu cầu học tập được coi là nền tảng quan trọng vì giúp người học: (1) Xác định mục tiêu học tập, đảm bảo quá trình học tập đáp ứng được các mục tiêu và yêu cầu của người học; (2) Thiết kế chương trình, nội dung học tập phù hợp, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả của quá trình học tập; (3) Lựa chọn phương pháp, hình thức học tập hiệu quả, đặc biệt là áp dụng các phương pháp tích cực, chú trọng vào người học; (4) Tổ chức và quản lý quá trình học tập, thiết kế môi trường học tập, tài liệu, thiết bị phù hợp với nhu cầu người học và linh hoạt, điều chỉnh quá trình học tập khi cần thiết; (5) Đánh giá, phản hồi kết quả học tập, đảm bảo việc đánh giá phản ánh đúng nhu cầu và mức độ đạt được của người học. Trong mối liên hệ với nhu cầu học tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai, thì đây được coi là một nhu cầu vô cùng quan trọng để giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Tác giả McLeod (2007) [5] đã nghiên cứu rằng “chỉ khi những

nhu cầu cơ bản được thỏa mãn thì người ta sẽ có thể đạt đến thang nhu cầu cao hơn và nhu cầu đó được gọi là nhu cầu tự thể hiện bản thân”.

2.2 Tổng quan tài liệu

Với những tiến bộ trong cải cách giảng dạy tiếng Anh đại học ở Việt Nam và trên thế giới, có nhiều học giả tiến hành nghiên cứu về vấn đề này.

Tác giả Nguyễn Đình Như Hà và cộng sự (2022) [3] đã nghiên cứu về “Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Anh của SV không chuyên. Nghiên cứu được thực hiện với 102 SV năm thứ hai không chuyên ngành tiếng Anh tại một trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Các phát hiện chỉ ra rằng có 5 yếu tố tác động tới nhu cầu học tiếng Anh của SV bao gồm: (1) Giảng viên; (2) tính tự chủ trong học tập; (3) môi trường học tập; (4) tài liệu học tập; (5) nghề nghiệp tương lai có mối tương quan tích cực với nhu cầu của SV không chuyên ngành tiếng Anh”.

Tác giả Nguyễn Hoàng Uyên Châu và cộng sự (2022) [1] đã thực hiện nghiên cứu về “các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực tiếng Anh của các SV nhóm ngành Kinh tế tại Trường Đại học Hòa Bình. Nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát 188 SV ngành kinh tế của trường ĐH Hoà Bình. Kết quả cho thấy có 04 nhóm nhân tố (1) Động cơ; (2) Giảng viên; (3) Phương pháp; (4) Môi trường đều được khẳng định có mối quan hệ thuận chiều, tác động tích cực tới yếu tố năng lực Tiếng Anh của SV nhóm ngành Kinh tế”.

Lê Xuân Mai (2022) [6], đã nghiên cứu về “Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của SV đối với việc học tiếng Anh như một ngoại ngữ tại một trường đại học ở Việt Nam”. Nghiên cứu này được tiến hành định tính, sử dụng các cuộc phỏng vấn có cấu trúc để thu thập dữ liệu từ 69 SV năm nhất. Nghiên cứu cho thấy các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến thái độ của SV với việc học tiếng anh.

Trần Thị Bích Trâm (2023) [7] đã nghiên cứu về “Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tự chủ của người học trong việc học tiếng Anh ở trình độ đại học: Một nghiên cứu tại trường Đại học Văn Lang”. Dữ liệu được thu thập từ 233 SV chuyên ngành tiếng Anh. Các phát hiện cho thấy có một số yếu tố vừa giúp vừa cản trở khả năng học tiếng Anh độc lập của SV đó là: (1) Sự hỗ trợ của môi trường xung quanh; (2) động lực nội tại; (3) sở thích học tập và những tiến bộ công nghệ; (4) Quan điểm của giáo viên về các vấn đề tác động đến tính tự chủ của người học được khuyến khích xem xét.

Nawaz và cộng sự (2015) [8] đã nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ động lực học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của SV trong bối cảnh đại học Pakistan. Dữ liệu định lượng được thu thập từ cách chọn mẫu ngẫu nhiên gồm 400 SV đại học. Dữ liệu định lượng nhấn mạnh rằng có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh của SV bao gồm: (1) Công cụ học tập; (2) Thái độ của bản thân; (3) Ảnh hưởng của gia đình và giáo viên. Dữ liệu định tính cũng tiết lộ tầm quan trọng của tiếng Anh ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh của SV.

Zhibo Liu (2015) [9] nghiên cứu về “các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nghe và nói tiếng Anh của SV không chuyên ngành tiếng Anh: lấy SV kỹ thuật làm ví dụ”. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng đến khả

năng nghe nói tiếng Anh của SV không chuyên ngành tiếng Anh là: (1) Môi trường xã hội; (2) Giáo viên tiếng Anh; (3) Tài nguyên giảng dạy sách giáo khoa nghe và nói và (4) Chương trình giảng dạy.

Shanshan Cheng (2019) [10] đã thực hiện một nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nói tiếng Anh của SV chuyên ngành tiếng Anh. Tác giả đã điều tra 100 SV năm hai của một trường đại học và 5 giáo viên tiếng Anh. Bảng câu hỏi bao gồm các yếu tố biến đổi, chẳng hạn như môi trường giảng dạy, phương pháp giảng dạy, tài liệu giảng dạy, thái độ và động lực, sự lo lắng và lòng tự trọng, v.v., với mục đích tìm ra yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nói của người học ngôn ngữ.

Fu-Sheng Tsai (2022) [11] Đã thực hiện một cuộc điều tra và phân tích “về khả năng học tập tự chủ của SV chuyên ngành tiếng Anh tại trường đại học trong môi trường học tập phổ biến”. Nghiên cứu chỉ ra rằng hầu hết SV có khả năng tự chủ tốt, nhưng họ cho thấy sự cải thiện về khả năng tự lập kế hoạch, kỹ năng đọc viết và giao tiếp và kỹ năng hợp tác. Nghiên cứu thảo luận về sự cần thiết phải cải thiện khả năng học tập và tính tự giác trong các môi trường học tập khác nhau nhằm phát triển việc học tập của sv mới vào trường.

2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai

Thái độ và động lực học tập của SV: Theo Mat & Yunus (2014) [12] thì đây là một phần không thể thiếu để thành công trong việc học ngôn ngữ thứ hai. Theo Từ Điển Collins (2015) [13] thuật ngữ “thái độ” dùng để chỉ “cách một người nhìn nhận một điều gì đó hoặc có xu hướng cư xử với điều đó, thường theo cách đánh giá”. Theo Lightbown và Spada (2001) [14], việc học ngôn ngữ thứ hai có thể thú vị và làm phong phú thêm động lực học tập theo thái độ của người học, và thành tích của SV khi học ngoại ngữ phụ thuộc chủ yếu vào động lực của họ. Al Rifai (2010)[15] cho rằng SV học ngôn ngữ thứ hai không chỉ học để hiểu và hoàn thành nhiệm vụ, mà còn vì lý do công cụ, cơ hội việc làm, giao tiếp xã hội hoặc mục đích học tập. Còn Zang & Hu (2008) [16] thì chỉ ra trong hầu hết các trường hợp, thành công trong việc học ngôn ngữ thứ hai luôn gắn liền với động lực lựa chọn nghề nghiệp của họ. Ngược lại, SV không có động lực có khả năng tập trung ngắn hạn, và thậm chí họ không phản ánh những gì họ học được. Dựa trên lý thuyết liên quan, tác giả đặt ra giả thuyết như sau:

Giả thuyết H1: “Thái độ và động lực học tập của SV có ảnh hưởng tích cực đến khả năng học tiếng Anh của SV”

Giảng viên giảng dạy: Tác giả Swales (1988) [17] cho rằng “giảng viên giảng dạy tiếng Anh có những vai trò khác nhau trong đó phải đề cập đến vai trò của nhà giáo dục” để “có thể có được những phương pháp kiểm tra, đánh giá người học đặc biệt là xử lý tốt các tình huống sự phạm xảy ra trong lớp học” [5]. Theo tác giả Li (2009) [18] thì giảng viên là người hướng dẫn, chỉ dẫn, động viên và hỗ trợ rõ ràng để giúp SV giải quyết các vấn đề học tập của mình và giúp họ yên tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ. Theo Madhavantha (2014) [19]. “người giảng viên cần phải thấu hiểu được sự được mong đợi của người học, có sự chuẩn bị chu đáo trong công tác giảng dạy và

nắm bắt được sự thay đổi liên tục của công nghệ”. Vì vậy, nghiên cứu sẽ đặt ra giả thuyết như sau:

Giả thuyết H2: “Giảng viên giảng dạy có ảnh hưởng tích cực đến khả năng học tiếng Anh của SV”

Tài liệu học tập: Theo Gray (2011) [20] sự hỗ trợ của các tài liệu trong giảng dạy còn góp phần khơi dậy sự hào hứng của SV trong việc học từ vựng và thúc đẩy cơ hội của SV trong việc vận dụng ngôn ngữ tiếng Anh để thể hiện cách họ suy nghĩ và cảm nhận của họ. Theo Ross & Wu (1995) [21] giao tiếp giữa giáo viên và SV diễn ra trong lớp học thường thông qua công cụ là các bộ tài liệu học tập, giáo viên tận dụng nguồn tài nguyên học liệu này để phát huy ảnh hưởng của mình nhằm thúc đẩy học sinh, phối hợp các hoạt động trong lớp. Theo tác giả Wang (2013) [22] phương pháp giảng dạy có tác động trực tiếp đến hành vi học tập và kết quả giảng dạy. Vì vậy, nghiên cứu sẽ đặt ra giả thuyết:

Giả thuyết H3: “Tài liệu học tập có ảnh hưởng tích cực đến khả năng học tiếng Anh của SV”.

Môi trường học tập: Tác động của môi trường kinh tế xã hội và môi trường xung quanh đến kết quả học tập của SV đã được thảo luận từ lâu. Ross và Wu (1995) [21] đã đưa ra một khái quát rằng khi địa vị xã hội và thu nhập của gia đình tăng lên, SV sẽ có xu hướng tiến bộ hơn trong kết quả học tập của mình. Điều này rất có thể xảy ra ở hầu hết các quốc gia phát triển. Theo Olaitan (2012) [23] Sự gia tăng về địa vị kinh tế xã hội của SV giúp các em tiếp cận tốt hơn với các yếu tố về lối sống và chăm sóc sức khỏe và các yếu tố tâm lý xã hội như sự ổn định về mặt cảm xúc, lòng tự trọng và sự quyết đoán.. Vì vậy, nghiên cứu sẽ đặt ra giả thuyết như sau:

Giả thuyết H4: “Môi trường học tập có ảnh hưởng tích cực đến khả năng học tiếng Anh của SV”

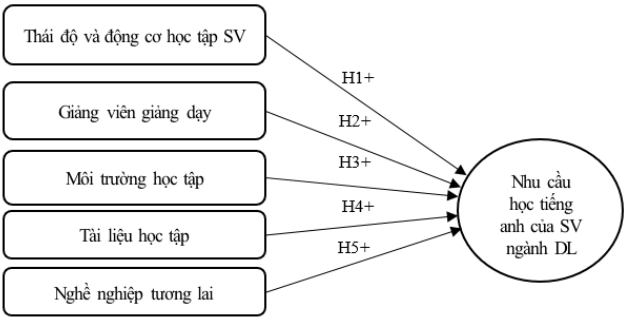
Nghề nghiệp tương lai: Theo Mat (2014) [12] “Nghề nghiệp ổn định là sự kỳ vọng của hầu hết các SV khi ra trường. Tuy nhiên trong thực tế tỉ lệ thất nghiệp của SV vẫn còn đang là vấn đề nan giải cho các nhà quản lý”. SV học ngôn ngữ thứ hai có nhiều cơ hội thành công hơn những SV không có cơ hội học tập. Theo tác giả Lưu (2008) [24], “việc học giỏi tiếng Anh sẽ là công cụ hiệu quả giúp SV dễ dàng tìm kiếm công việc trong hầu hết các loại hình doanh nghiệp”. Vì vậy, nghiên cứu sẽ đặt ra giả thuyết như sau:

Giả thuyết H5: “Nghề nghiệp tương lai có ảnh hưởng tích cực đến khả năng học tiếng Anh của SV”.

3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Mô hình nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết đã nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Nghiên cứu định lượng được thực hiện đầu tiên thông qua việc thảo luận “Các yếu tố ảnh hưởng nhu cầu tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai” nhóm với sự tham gia của 20 SV đang học ngành Du lịch các trường đại học tại Đồng Nai từ đó khám phá sâu hơn những quan điểm, ý kiến của nhóm SV nhằm điều chỉnh và đề xuất mô hình thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Anh của SV tại các trường đại học. Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua khảo sát 240 SV đang học ngành Du lịch các trường ĐH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, sau khi làm sạch là loại bỏ số phiếu không hợp lệ, số phiếu thu về là 220 phiếu. Thời gian khảo sát từ tháng 5/2024 tới tháng 7/2024 tại 02 trường đại học đang giảng dạy ngành du lịch nói chung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là: (1) ĐH Lạc Hồng; (2) ĐH Công nghệ Đồng Nai.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Phân tích thống kê mô tả

Khảo sát được thực hiện với đối tượng là SV học ngành du lịch các trường Đại học tại Đồng Nai có 240 phiếu khảo sát được phát ra, số phiếu khảo sát thu về là 220 đạt tỷ lệ 91.66%, trong đó có 20 phiếu không phù hợp. Thông tin mẫu trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Bảng thống kê mô tả mẫu

Biến nhân khẩu học	Phân loại	Mẫu nghiên cứu hợp lệ	
		Số mẫu khảo sát	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	133	60,5
	Nữ	87	39.5
Tổng		220	100

(Nguồn: Phần mềm SPSS)

4.2 Kiểm định độ tin cậy thang đo

Kết quả phân tích hệ số Cronbach’s Alpha để đánh giá độ tin cậy của thang đo với mẫu nghiên cứu n = 220 với 20 biến quan sát.

Bảng 2. Kết quả phân tích Cronbach’s Alpha

Thang đo	Hệ số Cronbach’s	Hệ số tương quan biến tổng

Alpha		
1. Thái độ và động cơ học tập của SV	0,897	0,641
2. Giảng viên giảng dạy	0,814	0,684
3. Môi trường học tập	0,823	0,681
4. Tài liệu học tập	0,898	0,690
5. Nghề nghiệp tương lai	0,816	0,662
6. Nhu cầu học tiếng Anh của SV	0,720	

(Nguồn: Phần mềm SPSS)

Kết quả “phân tích Cronbach’s alpha cho thấy hệ số Cronbach’s alpha của cả 5 thang đo (1) Thái độ và động cơ học tập của SV; (2) Giảng viên giảng dạy; (3) Môi trường học tập; (4) Tài liệu học tập; (5) Nghề nghiệp tương lai ảnh hưởng tới nhu cầu tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai đều lớn hơn 0,7 cụ thể từ 0,720 đến 0,898 và các biến quan sát đều có tương quan biến tổng lớn hơn 0.3 cụ thể là dao động từ 0,641 đến 0,690. Như vậy các biến đều thỏa đáng để dùng cho phân tích nhân tố khám phá (EFA)”.

4.3 Phân tích nhân tố khám phá EFA

4.3.1 Phân tích EFA cho biến độc lập

Bảng 3. Kết quả kiểm định KMO and Bartlett’s biến độc lập

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,766
Approx. Chi-Square		2716,418
Bartlett’s Test of Sphericity	df	190
	Sig.	0,000

(Nguồn: Phần mềm SPSS)

Bảng 4. Ma trận xoay nhân tố

Biến	Hệ số tải nhân tố				
	1	2	3	4	5
TĐ1	0,884				
TĐ2	0,890				
TĐ3	0,795				
TĐ4	0,713				
GV1		0,670			
GV2		0,830			
GV3		0,850			
GV4		0,710			

MT1	0,701
MT2	0,776
MT3	0,706
MT4	0,819
TL1	0,862
TL2	0,918
TL3	0,851
TL4	0,815
NN1	0,640
NN2	0,880
NN3	0,879
NN4	0,745

(Nguồn: Phần mềm SPSS)

Kết quả phân tích EFA các biến độc lập cho thấy, các biến độc lập có hệ số KMO = 0,766 > 0,5 nên phân tích EFA là phù hợp. Kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa Sig. = 0,000: Các biến quan sát từ TĐ1 đến NN4 có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Đồng thời, qua phân tích ma trận xoay để kiểm tra (loại) biến xấu của biến quan sát cho thấy, các biến đều có hệ số > 0,5 và sắp xếp theo đúng trật tự của nhân tố đại diện nên sẽ không loại biến.

4.3.2 Phân tích EFA cho biến phụ thuộc

Bảng 5. Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's biến phụ thuộc

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,703
Approx. Chi Square		232,706
Bartlett's Test of Sphericity	df	10
	Sig.	0,000

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Bảng 6. Kết quả EFA cho biến phụ thuộc

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố
	1
F1	0,730
F2	0,656
F3	0,671
F4	0,672
F5	0,733

(Nguồn: Phần mềm SPSS)

Kết quả EFA cho thấy, “hệ số KMO = 0,703 > 0,5 và Bartlett có kết quả Sig. = 0,000. Cùng với đó, các thang đo đều có giá trị hệ số tải nhân tố > 0,5, nên cả 5 biến đều đạt yêu cầu về giá trị hội tụ và độ tin cậy” (Bảng 5 & 6).

4.4 Phân tích tương quan

Bảng 7. Ma trận tương quan giữa các nhân tố trong mô hình nghiên cứu

Tương quan	TĐ	GV	MT	TL	NN	NC
	TB	TB	TB	TB	TB	TB
TĐ	Pearson Correlation	1	.478**	.465**	.400*	.318**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000
	N	220	220	220	220	220
GV	Pearson Correlation	.478**	1	.444**	.397*	.280**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000
	N	220	220	220	220	220
MT	Pearson Correlation	.465**	.444**	1	.496*	.271**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000
	N	220	220	220	220	220
TL	Pearson Correlation	.400**	.397**	.496**	1	.414**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000
	N	220	220	220	220	220
NN	Pearson Correlation	.318**	.280**	.271**	.414*	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	
	N	220	220	220	220	220
NC	Pearson Correlation	.568**	.517**	.631**	.591*	.429**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	
	N	220	220	220	220	220

(Nguồn: Phần mềm SPSS)

Ghi chú: “Ký hiệu **: Cho biết rằng cặp biến này có sự tương quan tuyến tính ở mức tin cậy đến 99% (tương ứng mức ý nghĩa 1% = 0,01)”.

Kết quả phân tích tương quan (Bảng 7) cho thấy, “các biến phụ thuộc và các biến độc lập có sự tương quan cao. Do đó, các biến phụ thuộc sẽ được giải thích bằng các biến độc lập. Ngoài ra, biến độc lập có giá trị Sig. đều > 0,05, nên chấp nhận giả thuyết. Không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong mô hình, vì hệ số tương

quan tổng thể = 0, không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập vì hệ số VIF < 10 (Bảng 7).

4.5 Phân tích hồi quy bội

Bảng 8. Kết quả phân tích hồi quy bội

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF
Hằng số	0,166	0,215		0,773	0,440		
TD	0,227	0,057	0,216	4,024	0,000	0,663	1,509
GV	0,132	0,049	0,143	2,712	0,007	0,686	1,458
MT	0,298	0,052	0,313	5,739	0,000	0,640	1,563
TL	0,254	0,059	0,235	4,318	0,000	0,641	1,563
NN	0,110	0,039	0,138	2,814	0,005	0,796	1,256

R^2 hiệu chỉnh: 0,583
 Thống kê Durbin-Watson: 2,025
 Thống kê F(ANOVA): 62,156
 Mức ý nghĩa (Sig. của ANOVA): 0,000

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Kết quả phân tích (Bảng 8) cho thấy, “ R^2 hiệu chỉnh = 0,583, tương đương 58,3% quyết định đến nhu cầu học tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai. Ngoài ra, giá trị Sig. của kiểm định F rất nhỏ (Sig. = 0,000), như vậy mô hình đề xuất phù hợp với mẫu khảo sát. Các biến độc lập và biến phụ thuộc đều có Sig. < 0,05, nên về mặt thống kê đều có ý nghĩa. Hệ số Tolerance (Độ chấp nhận) khá cao từ 0,640 đến 0,796 và hệ số thấp VIF < 2 (từ 1,256 đến 1,563), cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập”. Dựa vào Bảng 8 ta có mô hình hồi quy như sau:

$$Y = 0,166 + 0,313*MT + 0,235*TL + 0,216*TD + 0,143*GV + 0,138*NN$$

4.6 Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích thực nghiệm cho thấy có 05 yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai. Trong đó: yếu tố “Môi trường học tập” có tác động mạnh mẽ nhất với hệ số Beta = 0,313. Yếu tố “Tài liệu học tập” đứng thứ 2 có hệ số Beta = 0,235; Yếu tố “Thái độ và động cơ của SV” đứng

thứ 3 có hệ số Beta = 0,216; Yếu tố “Giảng viên giảng dạy” đứng thứ 4 có hệ số Beta = 0,143; Và yếu tố “Nghề nghiệp tương lai” đứng thứ 5 có hệ số Beta = 0,138.

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

Kết quả phân tích thực nghiệm cho thấy có 05 yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai đã được xác định và phân tích bao gồm: (1) Thái độ và động cơ học tập của SV; (2) Giảng viên giảng dạy; (3) Môi trường học tập; (4) Tài liệu học tập; (5) Nghề nghiệp tương lai. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu trước đây và tình hình thực tế trong quá trình học tiếng Anh của SV ngành du lịch các trường đại học tại Đồng Nai. Dựa trên kết quả phân tích nhóm nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản lý nhằm nâng cao nhu cầu học tiếng Anh cho SV:

Một là, tăng cường các giải pháp để nâng cao động cơ và thái độ học tập cho SV như: Tăng cường ứng dụng thực tiễn thông qua việc thiết kế các bài học, hoạt động gắn liền với ngành. Việc tổ chức các buổi thực tập, giao tiếp với du khách, và tạo cơ hội giao lưu văn hóa sẽ giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của tiếng Anh trong công việc tương lai. Bên cạnh đó, việc khuyến khích sinh viên phát triển các mối quan hệ quốc tế và thiết lập các chính sách hỗ trợ, khen thưởng sẽ tạo động lực học tập. Cuối cùng, việc chia sẻ thông tin về cơ hội việc làm liên quan đến tiếng Anh sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc học ngoại ngữ.

Hai là, nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ giảng viên: Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành du lịch. Khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động học thuật, xây dựng cơ chế đãi ngộ hợp lý và hợp tác với các trường đại học, tổ chức quốc tế. Việc mời chuyên gia nước ngoài và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các chương trình trao đổi cũng rất quan trọng. Cuối cùng, việc cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất hiện đại sẽ hỗ trợ giảng viên trong quá trình giảng dạy.

Ba là, xây dựng môi trường học tập mở, chuyên nghiệp: Trang bị phòng học, phòng lab tiếng Anh hiện đại với đầy đủ thiết bị công nghệ, tạo không gian linh hoạt cho sinh viên thảo luận, tự học, và tiếp cận tài liệu chuyên ngành. Sử dụng phần mềm học trực tuyến và tổ chức thực hành thực tế như hướng dẫn viên, lễ tân. Đồng thời, tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, diễn đàn chuyên ngành du lịch, các cuộc thi, giao lưu với đối tác nước ngoài, và khuyến khích tham gia thực tập, trao đổi quốc tế. Những hoạt động này giúp sinh viên mở rộng kiến thức và nâng cao kỹ năng thực tiễn.

Bốn là, xây dựng nguồn tài nguyên học liệu phong phú đa dạng và hiện đại: Xây dựng thư viện chuyên ngành du lịch với sách, giáo trình, từ điển, tạp chí bằng tiếng Anh và số hóa tài liệu thành thư viện điện tử. Phát triển bài giảng, slide, video, cùng hướng dẫn các kỹ năng tiếng Anh nghe, nói, đọc, viết. Tạo bài tập, câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tình huống bằng tiếng Anh. Kết nối với các trường đại học, tổ chức du lịch quốc tế để trao đổi tài liệu. Ứng dụng AI, công nghệ thực tế ảo và tăng cường nhằm mang lại trải nghiệm học tập sinh động và hiệu quả hơn.

Năm là, nâng cao hiệu quả của việc định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành du lịch. Cần nhấn mạnh tầm

quan trọng của tiếng Anh đối với sự thành công trong ngành. Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo với chuyên gia, doanh nghiệp và cựu sinh viên để chia sẻ kinh nghiệm. Tạo động lực bằng cách tổ chức các cuộc thi tiếng Anh chuyên ngành du lịch kèm giải thưởng, thiết lập học bổng và hỗ trợ tài chính. Đồng thời, tạo cơ hội giao lưu, trao đổi với người bản ngữ để sinh viên cải thiện kỹ năng tiếng Anh, giúp họ chuẩn bị tốt hơn cho sự nghiệp trong ngành du lịch..

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hoàng Uyên Châu, Lê Thị Thùy Trang, & Trần Thị Ân. (2022). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực tiếng Anh của SV nhóm ngành kinh tế tại trường Đại học Hòa Bình. *Tạp chí KH&CN Trường Đại học Hòa Bình*, tháng 3.
- [2] Harmer, J. (2007). *How to teach English*. London: Pearson Education Limited
- [3] Nguyễn Đình Như Hà, & Trần Quốc Thảo. (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Anh của SV không chuyên. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Khoa học Xã hội*, 15(1), 216-229.
- [4] Janet Grant. (2001). Learning needs assessment: Assessing the need. *BMJ*, 324(156).
- DOI: <https://doi.org/10.1136/bmj.324.7330.156>.
- [5] McLeod, S. (2007). Behaviorist approach. Retrieved May 17, 2019, from <http://www.simplypsychology.org/behaviorism.html>.
- [6] Le Xuân Mai & và cộng sự. (2022). Factors affecting students' attitudes towards learning English as a foreign language in a tertiary institution of Vietnam. *International Journal of TESOL & Education*. Retrieved from <https://i-jte.org>
- [7] Trần Thị Bích Trâm. (2023). Factors affecting learner autonomy in tertiary level english learning: a study at Van Lang University. *International Journal of TESOL & Education*, 2023 - i-jte.org
- [8] Nawaz, H., Amin, M., & Tatla, I. A. (2015). Factors affecting students' motivation level to learn English as a second language in the Pakistani university context. *Journal of Research & Reflections in Education (JRRE)*, 9(2), 103-115.
- [9] Zhibo Liu. (2015). Factors affecting English listening and speaking abilities of non-English major students: Taking engineering students as an example. *World Transactions on Engineering and Technology Education*, 13(4).
- [10] Shanshan Cheng. (2019). A Study of Factors Affecting the Oral English Proficiency of English Majors. *Annual International Conference on Education Science and Education Management (ESEM 2019)*. ISBN: 978-1-60595-623-7.
- [11] Fu-Sheng Tsai. (2022). An investigation and analysis of college English majors' autonomous learning ability in a ubiquitous learning environment. *Journal of Environmental and Public Health*.
- DOI: <https://doi.org/10.1155/2022/5245167>.
- [12] Mat, S. M., & Yunus, M. M. (2014). Title of the article or book. *Journal or Book Title, Volume (Issue)*, pages
- [13] Collins. (2014). Attitude. Retrieved from <http://www.collinsdictionary.com/dictionary/english/attitude>.
- [14] Lightbown, P. M., & Spada, N. (2001). Factors affecting second language learning. In C. N. Candlin and N. Mercer (Eds.), *English language teaching in its social context* (pp. 28-43). London: Routledge.
- [15] Al Rifai, N. (2010). Attitude, motivation, and difficulties involved in learning the English language and factors that affect motivation in learning it. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 2(2), 5216-5227.
- DOI: <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2010.03.849>
- [16] Zhang, W., & Hu, G. (2008). Second language learners' attitudes towards English varieties. *Language Awareness*, 17(4), 342-347.
- DOI: <https://doi.org/10.2167/la479.0>.
- [17] Swales, J. M. (1988). *Episodes in ESP*. Hemel Hempstead, UK: Prentice Hall International Ltd.
- [18] Li, C. (2009). A research on second language acquisition and college English teaching. *English Language Teaching*, 2(4), 57-60.
- DOI: <https://doi.org/10.5539/elt.v2n4p57>
- [19] Madhavilantha, B. (2014). Teacher education and ESP. *International Journal of Research, Humanities, Arts, and Literature*, 2(4), 73-82.
- [20] Gay, R. L., Mills, E. G., & Airasian, W. P. (2011). *Educational research: Competencies for analysis and applications*. New York: Pearson Education International.
- [21] Ross, C. E., & Wu, C. L. (1995). The links between education and health. *American Sociological Review*, 719-745.
- [22] Wang, Z. (2013). A study on the reasons for the inefficiency of college English teaching and some tentative countermeasures. *English Language Teaching*, 7(1), 9-18.
- DOI: <https://doi.org/10.5539/elt.v7n1p9>.
- [23] Olaitan, A. W. (2012). The effects of background characteristics and school factors on college students' performance and satisfaction. *Journal of Education and Practice*, 3(8), 251-257
- [24] Luu, K. Q. (2008). Khảo sát nhu cầu học đối với chương trình môn học tiếng Anh chuyên ngành cho SV ngành Điện tử trường Cao đẳng Công nghệ Huế. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 4(27), 153-159.